

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 235/2017/HSST

Ngày: 13 - 7 - 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân: 1- Bà Nguyễn Thị Kim Anh;

2- Bà Vương Thị Minh Tân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hương – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham
gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại Trung tâm văn hoá cộng đồng
phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định; Tòa án nhân dân thành phố Nam Định,
tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 234/2017/HSST
ngày 23 tháng 6 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2017/QĐXX
ngày 03 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Vũ Hồng T, sinh năm 1992; cư trú tại: Số nhà X Vĩnh T, phường L, thành
phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; con ông:
Vũ Hồng T, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1966; chưa có vợ,
con; tiền án: Ngày 08-7-2014, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xử phúc thẩm phạt
02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; tiền sự: không; tạm giữ từ ngày 24-4-
2017 sau đó chuyển tạm giam, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an
thành phố Nam Định.

2. Bùi Thị Huyền A, sinh năm 1995; cư trú tại: Ngõ Y phố H, phường N,
thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 8/12;
con ông: Bùi Hữu C, sinh năm 1953 và bà Đặng Thị Bích H, sinh năm 1958;
chồng: Trịnh Ngọc N, sinh năm 1992, có 02 con: con lớn sinh năm 2012, con nhỏ
sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 28-9-2009, Toà án nhân
dân thành phố Nam Định xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử
thách 30 tháng về tội “Cướp tài sản”; tạm giữ từ ngày 24-4-2017 đến ngày 01-5-
2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi
cư trú” (bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi).

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Hồng T và Bùi Thị Huyền A quen nhau khoảng một năm. Hàng ngày, A và T bán hàng nước ở vỉa hè đường Đ gần nhà thờ tại khu vực ngã 3 đường Đ – M và mua ma túy bán lại cho các con nghiện. Cả hai thống nhất với nhau khi có đối tượng mua ma túy thì A trực tiếp giao dịch và nhận tiền, sau đó đưa tiền cho T đi mua ma túy về giao lại cho đối tượng mua, tiền lãi chia đều A và T sử dụng riêng.

Khoảng 20h ngày 23-4-2017, Vũ Hồng T và Bùi Thị Huyền A đang ngồi bán quán nước ở vỉa hè đường Đ gần nhà thờ thì Phạm Văn S – sinh năm 1978, trú tại: Số B ngõ C đường P, phường T, thành phố N và Nguyễn Khắc T – sinh năm 1990, trú tại: Số D đường M, phường V, thành phố N đến hỏi A mua 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng để sử dụng chung. A đồng ý, nhận của S 200.000 đồng và đưa cho T 200.000 đồng bảo T đi mua 01 gói ma túy với giá 150.000 đồng về bán cho S. T nhận của A 200.000 đồng và đi đến khu vực đường T, thành phố N mua của nam thanh niên tên Cường (không rõ lai lịch) 01 gói ma túy với giá 150.000 đồng mang về đưa cho S, sau đó S đưa tiếp cho T 200.000 đồng để mua thêm 01 gói ma túy nữa, A và T đồng ý, T nhận 200.000 đồng của S cất vào túi quần bên phải đang mặc thì bị tổ công tác Đội CSĐTTP về ma túy – Công an thành phố N làm nhiệm vụ tại khu vực đó phát hiện bắt quả tang; thu giữ trên tay phải của S 01 gói ma túy, thu giữ trong túi quần bên phải của T 250.000 đồng (T khai nhận trong đó có 50.000 đồng tiền công S trả và 200.000 đồng tiền S đưa để mua thêm ma túy). Tổ công tác đã tiến hành niêm phong vật chứng đưa T, A, S, T cùng người làm chứng về trụ sở lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang theo quy định của pháp luật.

Ngày 26-4-2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N có bản kết luận giám định số 341/GĐKTHS kết luận: Mẫu chất rắn dạng tinh thể màu trắng gửi giám định là chất ma túy, loại chất ma túy: Methamphetamine, trọng lượng mẫu: 0,057 gam. Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 67, Danh mục II, Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19-7-2013 của Chính phủ.

Tại cơ quan điều tra, Vũ Hồng T và Bùi Thị Huyền A khai nhận hành vi bán trái phép chất ma túy cho Phạm Văn S để kiếm lời. Phạm Văn S và Nguyễn Khắc T đã khai nhận cả hai là đối tượng nghiện ma túy, vào thời gian trên T gặp S tại khu vực đường Trần Nhân T, thành phố N; T đưa cho S 100.000 đồng, S bỏ thêm 100.000 đồng rồi cả hai đi đến quán nước của A và T tại khu vực ngã ba đường Trần Hưng Đ – M, phường Trần Hưng Đ, thành phố N để mua ma túy về cùng sử dụng. S mua của A và T 01 gói ma túy với giá 200.000 đồng, sau đó S đưa tiếp cho T 200.000 đồng để mua thêm 01 gói ma túy nữa thì bị phát hiện bắt giữ.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình và khai nguyên nhân các bị cáo phạm tội do các bị cáo háu lợi.

Bản cáo trạng số 236/QĐ – KSĐT ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định truy tố các bị cáo Vũ Hồng T và Bùi Thị Huyền A tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Vũ Hồng T và Bùi Thị Huyền A về tội danh, điều luật như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo T từ 36 tháng tù đến 39 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo A từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự, điểm a, c Điều 76 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ; tịch thu sung quỹ Nhà nước 250.000 đồng.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo A xin Hội đồng xét xử xử bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo có điều kiện cải tạo và chăm sóc con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng Hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 23-4-2017, Vũ Hồng T và Bùi Thị Huyền A có hành vi bán trái phép cho Phạm Văn S 0,057 gam Methamphetamine hướng 50.000 đồng tiền lãi và nhận của S 200.000 đồng để đi mua tiếp ma túy cho S nhưng chưa kịp đi mua thì bị phát hiện bắt giữ tại khu vực ngã ba đường Trần Hưng Đ – Máy T, phường Đ, thành phố N. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Vũ Hồng T và Bùi Thị Huyền A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 194 của Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần xử lý nghiêm.

Trong vụ án này các bị cáo cùng nhau thống nhất thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm. Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

Bị cáo Bùi Thị Huyền A là người trực tiếp giao dịch và nhận tiền của S đưa cho bị cáo T để bị cáo T đi mua ma túy bán cho S. Bị cáo T là người trực tiếp thực hiện việc đi mua ma túy về bán cho S. Số tiền lãi từ việc mua bán trái phép chất ma túy các bị cáo sử dụng chung nên xếp vai trò của các bị cáo như nhau trong vụ án.

Bị cáo Trường phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên có mức hình phạt cao hơn so với bị cáo A.

[3] *Về tình tiết định khung hình phạt:*

Hành vi của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:*

Bị cáo T có 01 tiền án chưa được xóa án tích, lần này bị cáo phạm tội với lỗi cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo A đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T và bị cáo A có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình vì vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

[5] *Về hình phạt bổ sung:* Các bị cáo bán trái phép chất ma túy nhằm mục đích thu lợi bất chính, nhưng xét các bị cáo đều không có nghề nghiệp, số tiền thu lợi bất chính ít; bị cáo A đang nuôi con nhỏ; gia đình bị cáo T có đơn trình bày bị cáo T có hoàn cảnh kinh tế khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận hợp lệ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] *Về xử lý vật chứng:* Cơ quan điều tra thu giữ các vật chứng sau:

- Sổ ma túy trong phong bì niêm phong số 341/GĐKTHS: Xét là vật Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy theo qui định của pháp luật.

- Số tiền 250.000 đồng (hai trăm năm mươi ngàn đồng) thu giữ của bị cáo T: Trong đó có 50.000 đồng là tiền lãi, xét là tiền do phạm tội mà có; 200.000 đồng là tiền bị cáo T nhận để đi mua ma túy tiếp cho S, vì vậy tất cả số tiền này tịch thu sung quỹ Nhà nước theo qui định của pháp luật.

[7] *Án phí Hình sự sơ thẩm:* Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I. Tuyên bố các bị cáo Vũ Hồng T và Bùi Thị Huyền A phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Vũ Hồng T 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 24-4-2017.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Bùi Thị Huyền A 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bị cáo đi thi hành án (bị cáo được trừ thời gian đã bị giam giữ từ ngày 24-4-2017 đến ngày 01-5-2017).

II. Về vật chứng: Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy sổ ma túy có trong phong bì niêm phong số 341/GĐKTHS;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 250.000 đồng (hai trăm năm ngàn đồng).

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng).

III. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo T và bị cáo A mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

IV. Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

V. Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Nam Định;
- Chi cục Thi hành án TP. Nam Định;
- Công an TP. Nam Định;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

Phạm Thị Mai Anh

